TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2021/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 05 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận T ly hôn, nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1986

Bà **Thái Thị Thu T1**, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Số 42 P 7, tổ 127, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, hôn nhân tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 100/2013, quyển số 01/2013), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính T, quan điểm sống không hợp. Nay ông bà xác định không còn T cảm nên làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận T ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xác nhận có 01 con chung và tự thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Trần Thái Bảo, sinh ngày 12/01/2014 cho bà Thái Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Trần Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thái Bảo mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu tính từ ngày 20/3/2021.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0004977 ngày 19/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sơ thẩm.

Xét thấy: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận T ly hôn, nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của ông bà về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận T ly hôn, nuôi con chung".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận T ly hôn giữa người yêu cầu:

Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1986

Bà **Thái Thị Thu T1**, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Số 42 P 7, tổ 127, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T thuận tình ly hôn.

1.2. Về quan hệ con chung:

Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xác nhận có 01 con chung và tự thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Trần Thái Bảo, sinh ngày 12/01/2014 cho bà Thái Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Trần Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thái Bảo mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu tính từ ngày 20/3/2021.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xác nhận ông bà không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0004977 ngày 19/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Thái Thị Thu T1 và ông Trần Thanh T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương